

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST

Ngày 13-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Phương Liên

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty V; địa chỉ trụ sở: Phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đức C; nơi cư trú: Phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 182 ngày 02/3/2022); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty B; địa chỉ trụ sở: Đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Sơn L; chức vụ: Giám đốc Công ty B, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu ngày 02/3/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào nhu cầu kinh doanh, Chi nhánh Công ty V tại Hải Phòng thuộc Công ty V (viết tắt là Công ty V) và Công ty B (viết tắt là Công ty B) đã ký Hợp đồng mua bán xăng dầu năm 2018 số 33/HĐMB/2018 ngày 01/02/2018.

Để thực hiện hợp đồng nói trên, ngày 06/02/2018, Công ty B đã đặt hàng Chi nhánh Công ty V tại Hải Phòng cấp cho tàu ĐẠI DƯƠNG 01 và tàu CỬU LONG 06 với số lượng hàng là 10.000 lít DO tại Cảng Cấm, thành phố Hải Phòng. Ngày 06/2/2018, Công ty V đã cấp hàng cho 02 tàu trên và lập Biên bản giao nhận hàng hoá giữa 02 bên, Công ty V đã xuất hoá đơn như sau: Hóa đơn số 0002617 ngày 06/02/2018 với tổng giá trị là: 78.750.000 đồng; hóa đơn số 0002618 ngày 06/02/2018 với tổng giá trị là: 78.750.000 đồng.

Ngày 15/03/2018, Công ty B đã đặt hàng Công ty V cấp cho tàu ĐẠI DƯƠNG 01 và tàu CỬU LONG 06 với số lượng hàng là 10.000 lít DO tại Cảng Cấm, thành phố Hải Phòng. Ngày 15/3/2018, Công ty V đã cấp hàng cho 02 tàu trên và lập Biên bản giao nhận hàng hoá giữa 02 bên, Công ty V đã xuất hoá đơn như sau: Hóa đơn số 0002751 ngày 15/03/2018 với tổng giá trị là: 77.550.000 đồng; hóa đơn số 0002752 ngày 15/03/2018 với tổng giá trị là: 77.550.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hàng Công ty B phải trả là 312.600.000 đồng. Tuy nhiên, mặc dù Công ty V đã thường xuyên đôn đốc nhưng tính đến ngày 31/12/2018, Công ty B mới chỉ thanh toán được số tiền 234.662.500 đồng. Số tiền hàng Công ty B chưa thanh toán là 77.937.500 đồng.

Căn cứ vào Điều III của Hợp đồng mua bán hai bên đã ký kết có quy định: Bên B còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả cho bên A tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn, do vậy số tiền mà bên mua phải trả lãi trên số tiền mua bên mua chậm trả là 19.712.849 đồng.

Vì vậy, Công ty V khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty B phải trả cho Công ty V số tiền còn thiếu (nợ gốc tiền hàng) là 77.937.500 đồng.

- Buộc Công ty B phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh từ tháng 12/2018 đến hết tháng 02/2022 số tiền là 19.712.849 đồng.

Tổng cộng là: 97.650.349 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Đình Sơn Long đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ

và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357; 385; 400; 401; 430; 440 và 468 Bộ luật Dân sự; các điều 50 và 306 Luật Thương mại; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty B phải trả cho Công ty V tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2022 là: 97.650.349 đồng, trong đó: nợ gốc là 77.937.500 đồng, nợ lãi chậm trả là 19.712.849 đồng.

Về án phí: Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 97.650.349 đồng x 5% = 4.882.517 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty V và Công ty B với mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Công ty Biên Đông có địa chỉ trụ sở trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về tính pháp lý của hợp đồng:

[4] Hợp đồng mua bán xăng dầu năm 2018 số 33/HĐMB/2018 ngày 01/02/2018 được ký kết giữa Công ty V và Công ty B là hoàn toàn tự nguyện; về hình thức, nội dung và mục đích phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

+ Về số tiền nợ gốc:

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng; cụ thể: Ngày 06/2/2018, Công ty V đã cấp cho Công ty B số lượng hàng là 10.000 lít DO và xuất 02 hoá đơn số 0002617 tổng giá trị là: 78.750.000 đồng và số 0002618 tổng giá trị là: 78.750.000 đồng. Ngày 15/03/2018, Công ty V đã cấp cho Công ty B số lượng hàng là 10.000 lít DO và xuất 02 hoá đơn số 0002751 tổng giá trị là: 77.550.000 đồng và số 0002752 tổng giá trị là: 77.550.000 đồng. Tổng số tiền hàng Công ty B phải thanh toán là 312.600.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty B sau khi nhận đủ hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty B mới thanh toán được số tiền 234.662.500 đồng. Hai bên đã nhiều lần lập biên bản đối chiếu công nợ vào các ngày 31/12/2018, 01/4/2020 và 01/7/2020, xác nhận số tiền hàng Công ty B chưa thanh toán là 77.937.500 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty V, buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty V số tiền hàng là 77.937.500 đồng.

+ Về số tiền lãi chậm trả:

[6] Tại Hợp đồng mua bán xăng dầu năm 2018 số 33/HĐMB/2018 ngày 01/02/2018, Công ty V và Công ty B thỏa thuận trường hợp bên mua chậm trả tiền thì bên mua phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả cho bên bán theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Tại các biên bản đối chiếu công nợ các ngày 31/12/2018, 01/4/2020, 01/7/2020 và bảng tính lãi ngày 28/02/2022, các bên thống nhất số tiền lãi phát sinh từ tháng 12/2018 đến hết tháng 02/2022 là 19.712.849 đồng, tương ứng với mức lãi suất 08%/năm. Tại Công văn số 370/CV-CNHP4 ngày 25/7/2022 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng xác nhận mức lãi suất cho vay ngắn hạn tại thời điểm tháng 12 năm 2018 là

9,5%/năm, cao hơn mức lãi suất hai bên đã xác nhận trong các biên bản đối chiếu công nợ. Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên về số tiền lãi Công ty B phải trả cho Công ty V theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: $97.650.349 \text{ đồng} \times 5\% = 4.883.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357; 385; 400; 401; 430; 440 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 50 và 306 Luật Thương mại;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V:

1. Công ty B phải trả cho Công ty V tổng số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán xăng dầu năm 2018 số 33/HĐMB/2018 ngày 01/02/2018 tính đến ngày 28/02/2022 là: 97.650.349 (chín mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, ba trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó: nợ gốc là 77.937.500 (bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng, nợ lãi chậm trả là 19.712.849 (mười chín triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm bốn mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán xăng dầu năm 2018 số 33/HĐMB/2018 ngày 01/02/2018 giữa Công ty V và Công ty B

2. Về án phí:

Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.883.000 (bốn triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Trả lại cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.450.000 (hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006678 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Công ty V và Công ty B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo